TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2023/HSST
Ngày: 23/02/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vừ A Câu.

2. Bà Đồng Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Công Hoàn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2023/TLST-HS ngày 17 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2023 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Quàng Văn T (tên gọi khác: không), sinh ngày 12/02/1997 tại tỉnh Điện Biên; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: bản B, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: nông nghiệp; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Quàng Văn T (đã chết) và bà Lò Thị N, sinh năm 1978; vợ, con: không; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: chưa bị xét xử, chưa bị xử phạt hành chính; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/10/2022 đến ngày 02/11/2022 tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

2. Họ và tên: Lò Văn T (tên gọi khác: không), sinh ngày 20/01/1980 tại tỉnh Điện Biên; nơi thường trú và chỗ ở hiện nay: bản B, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: nông nghiệp; trình độ văn hóa: không học; con ông Lò Văn Ổ (đã chết) và bà Lò Thị S (đã chết); vợ: Lò Thị D, sinh năm 1990 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2011 và con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: chưa bị xét xử, chưa bị xử phạt hành chính; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/10/2022 đến ngày 02/11/2022 tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lò Thị D, sinh năm 1990. Trú

tại bản B, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 24/10/2022, Quàng Văn T gọi điện thoại rủ Lò Văn T góp tiền đi mua Heroine về sử dụng, T đồng ý sau đó điều khiển xe máy biển kiểm soát 27B1-32.797 đến nhà T1. Tại nhà T1, T đưa cho T1 150.000đ rồi điều khiển xe chở T1 lên bản P, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, đến nơi T ngồi xe đợi còn T1 đi tìm mua được 02 cục Heroine giá 300.000đ của một người dân tộc Mông tên C. Sau khi mua được T1 mang trở lại chỗ T đợi, rồi T điều khiển xe chở T1 về nhà T1 tại bản B, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Tại nhà của T1, cả hai lấy số ma túy mua được chia thành 18 gói nhỏ và dùng mảnh giấy nilon màu hồng gói lại, cất vào ngăn bàn nhà T1 để cả hai cùng sử dụng dần. Vừa mới cất giấu xong thì bị tổ công tác công an xã N đến nhà kiểm tra phát hiện, bắt quả tang thu giữ 18 gói nilon màu hồng bên trong chứa chất bột nén màu trắng và một chiếc xe máy nhãn hiệu Wave, màu đỏ đen biển kiểm soát 27B1-32.797, một điện thoại di động cảm ứng nhãn hiệu Sam Sung màu đen, xanh và một điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đỏ đen.

Tại biên bản mở niêm phong xác định khối lượng, trích mẫu giám định ngày 24/10/2022 và Kết luận giám định số 1407/GĐ-PC09 ngày 01/11/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: khối lượng chất bột trắng thu giữa của Quàng Văn T và Lò Văn T là 0,63gam; mẫu trích 0,09gam gửi giám định là chất ma túy loại Heroine.

Quá trình điều tra cơ quan điều tra chưa điều tra được người đàn ông tên C bán ma túy cho bị cáo Quàng Văn T.

Tại Cáo trạng số 11/CT-VKSĐBĐ ngày 17/01/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông truy tố bị cáo Quàng Văn T và Lò Văn T về tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy* " theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Quàng Văn T và Lò Văn T về tội danh và điều luật, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38; Điều 58; Điều 17 của Bộ luật Hình sự, bị cáo Quàng Văn T áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Quàng Văn T và Lò Văn T từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Về vật chứng vụ án đề nghị áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy 0,54 gam Heroine còn lại sau giám định. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động cảm ứng màu xanh-đen nhãn hiệu SAMSUNG thu của bị cáo Quàng Văn T và 01 chiếc điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu MASSTEL màu đỏ đen thu của bị cáo Lò Văn T. Tịch thu sung ngân sách nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe máy biển kiểm soát 27B1-

32797, trả 1/2 giá trị chiếc xe máy cho bà Lò Thị D. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Tại phiên tòa: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lò Thị D có lời khai nhận thể hiện chiếc xe máy biển kiểm soát 27B1-32797 là tài sản chung của bà và bị cáo Lò Văn T, cùng góp tiền mua trong thời kỳ hôn nhân. Đây là phương tiện duy nhất của gia đình, bà D không biết chồng sử dụng làm phương tiện phạm tội, bà D xin Tòa án trả lại cho bà sử dụng.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét hành vi của bị cáo Quàng Văn T và Lò Văn T bị truy tố thấy rằng:

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố, các bị cáo đều khai nhận hành vi vào ngày 24/10/2022 mỗi bị cáo góp 150.000đ đi mua ma túy, sau đó cả hai đến bản P, xã P, huyện Đ tìm mua được 02 cục Heroine rồi quay về nhà bị cáo T chia làm 18 gói nhỏ, mục đích để cả hai sử dụng dần, chưa kịp sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ. Khối lượng Heroine được cân xác định là 0,63 gam. Như vậy, lời khai nhận tội của của các bị cáo phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 24/10/2022, Biên bản niêm phong vật chứng, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng và lấy mẫu giám định, Kết luận giám định, Kết luận điều tra, các bản cung có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định ngày 24/10/2022 bị cáo Quàng Văn T và Lò Văn T đã có hành vi tàng trữ 0,63 gam Heroine nhằm mục đích sử dụng, hành vi đó đã phạm vào tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố là đúng pháp luật, không oan sai.

[2]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội.

Các bị cáo Quàng Văn T và Lò Văn T là những người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; nhận thức rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật nhưng do nghiện chất ma túy nên các bị cáo đã cố ý cùng nhau góp tiền đi mua được 0,63 gam Heroine để sử dụng. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách quản lý các chất ma túy của Nhà nước và thuộc trường hợp nghiêm trọng cần xử lý nghiêm minh.

Trong vụ án các bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng không phải là tội phạm có tổ chức, đây chỉ là đồng phạm giản đơn các bị cáo đều là những người nghiện ma túy nên rủ nhau góp 150.000đ đi mua ma túy và cùng nhau đi tìm mua được ma túy về chia nhau để sử dụng thoản mãn nhu cầu nghiện chất

ma túy của bản thân cho nên Hội đồng xác định các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm như nhau đối với hành vi đã bị truy tố.

[3]. Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Bản thân các bị cáo không có tiền án, tiền sự; sinh sống tại khu vực có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn, bị cáo T1 tuổi đời còn trẻ, chưa lập gia đình riêng, bị cáo T đã lập gia đình có 02 con còn nhỏ. Các bị cáo đều không làm chủ bản thân, nghiện ma túy do thiếu bản lĩnh, đua đòi bè bạn. Từ nghiện ma túy các bị cáo đi mua tàng trữ sử dụng nên phạm tội như ngày hôm nay.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự áp dụng cho các bị cáo.

Tại phiên tòa người thân của bị cáo Quàng Văn T giao nộp cho Hội đồng xét xử Huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng 3 của ông Quàng Văn L là ông nội của bị cáo T mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Thành. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo Quàng Văn T.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về hình phạt:

Hình phạt chính: Từ phân tích về hành vi phạm tội, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử chấp nhận mức đề xuất của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt chính là hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự nhưng các bị cáo là người nghiện ma túy, gia đình thuộc hộ nghèo khó có khả năng thi hành án, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp như đại diện Viện kiểm sát phân tích đề xuất.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về vật chứng vụ án:

Đối với 0,63 gam Heroine, đã trích trừ giám định 0,09 gam không hoàn lại, còn 0,54 gam Heroine đây là chất Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên tịch thu

tiêu hủy toàn bộ theo điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với chiếc điện thoại di động cảm ứng màu xanh-đen nhãn hiệu SAMSUNG thu của bị cáo Quàng Văn T và chiếc điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu MASSTEL màu đỏ đen thu của bị cáo Lò Văn T, các bị cáo dùng để liên lạc, trao đổi, bàn bạc đi thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với chiếc xe máy biển kiểm soát 27B1-32.797, bị cáo Lò Văn T sử dụng làm phương tiện phạm tội cần tịch thu sung ngân sách nhà nước. Tuy nhiên chiếc xe này là tài sản chung hợp nhất của bị cáo với vợ là bà Lò Thị D, chiếc xe trên là tài sản có giá trị, là phương tiện duy của gia đình, bà D không biết bị cáo sử dụng phạm tội. Do đó cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe trên, trả 1/2 giá trị chiếc xe cho bà Lò Thị D sở hữu.

[7]. Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc hộ nghèo, tại phiên tòa các bị cáo xin miễn án phí hình sự sơ thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[8]. Về các vấn đề khác trong vụ án: Đối với người đàn ông các bị cáo khai tên C trú tại bản P, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên đã bán ma túy cho các bị cáo, cơ quan điều tra chưa điều tra làm rõ được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Quàng Văn T (tên gọi khác: không) phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Quàng Văn T 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 24/10/2022).

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Tuyên bố: Bị cáo Lò Văn T (tên gọi khác: không) phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Lò Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ (ngày 24/10/2022).

2. Về vật chứng: Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy 0,54 gam Heroine (đã trừ giám định).

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động cảm ứng màu xanh-đen nhãn hiệu SAMSUNG thu của Quàng Văn T và 01 chiếc điện thoại di động bàn phím nhãn hiệu MASSTEL màu đỏ đen thu của bị cáo Lò Văn

T.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước 1/2 giá trị chiếc xe máy màu đỏ-đen, biển kiểm soát 27B1-32797 nhãn hiệu Wave a; số khung RLHHC121DY743588; số máy: HC 72E-5743554 (kèm theo chìa khóa xe).

- Trả cho bà Lò Thị D, sinh năm 1990. Trú tại bản B, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên 1/2 giá trị chiếc xe chiếc xe máy màu đỏ-đen, biển kiểm soát 27B1-32797 nhãn hiệu Wave a; số khung RLHHC121DY743588; số máy: HC 72E-5743554.

Vật chứng đã được bàn giao sang Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên bản giao nhận vật chứng vào hồi 09 giờ 0 phút ngày 18/01/2023 giữa cơ quan Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đ.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo .

4. Căn cứ vào Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/02/2023). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời han 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/2/2023).

Nơi nhận:
- VKSND huyện Điện Biên Đông;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Các Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Nhà tạm giữ C.A huyện Điện Biên Đông;
- Cơ quan CSĐT C.A huyện Điện Biên Đông;
- Phòng KTNV&THA TA tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan THAHS C.A tỉnh Điện Biên;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- CC.THADS huyện Điện Biên Đông;
- Lưu: Hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga